

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày 28/11/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Bốn

2. Bà Lê Thị Bích Lan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2019/TLST-DS ngày 20/3/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXXST-DS ngày 24/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2019/QĐST-DS ngày 11/11/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Trương Thị A, sinh năm 1969 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 16, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

- Bị đơn:

Ông Đinh Tấn T, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố An Bằng, thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/8/2019; bản tự khai ngày 19/9/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà và vợ chồng ông Đinh Tấn T, bà Huỳnh Thị L quen biết nhau trong làm ăn. Năm 2015, vợ chồng ông T, bà L có hỏi mượn bà số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Vào ngày 07/5/2015, bà đưa cho ông T, bà L mượn số tiền nêu trên với lãi suất là 0,8% một tháng, vợ chồng ông T, bà L có viết giấy nợ và hẹn trả cho bà hàng tháng 5.000.000đ cho đến khi trả. Tuy nhiên, ông T, bà L không trả tiền gốc và lãi cho bà. Nhiều lần bà yêu cầu vợ chồng ông T, bà L trả nhưng ông T, bà L không thực hiện và lẩn tránh.

Nay, bà Trương Thị A yêu cầu Tòa án buộc ông Đinh Tấn T và bà Huỳnh Thị L phải trả cho bà 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 07/5/2015 đến ngày 28/8/2019 là 51 tháng 21 ngày, cụ thể $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\% \times 51 \text{ tháng} + 100.000.000 \text{ đồng} \times 0,8\%/30 \text{ ngày} \times 21 \text{ ngày} = 41.360.000 \text{ đồng}$ (Bốn mươi một triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng), tổng cộng cả gốc và lãi 141.360.000đồng (Một trăm bốn mươi một triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngày 22/10/2019, nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, chỉ còn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không có yêu cầu về lãi suất.

Bị đơn được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến trả lời.

Tại biên bản xác minh ngày 04/10/2019, ông Đinh Văn M, sinh năm 1968 là cha của bị đơn cho biết: Con ruột ông là Đinh Tấn T và con dâu là Huỳnh Thị L có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố An Bằng, thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Trước đây, vợ chồng ông T, bà L ở chung hộ khẩu với gia đình ông nhưng sau đó ông T, bà L tách hộ khẩu riêng nhưng vẫn chung sống cùng với vợ chồng ông. Hiện tại ông T, bà L vì làm ăn thua lỗ nên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có liên lạc với gia đình và vào dịp lễ, tết mới về. Khi Tòa đến tổng đạt văn bản cho ông T, bà L, ông có điện báo cho ông T, bà L nhưng ông T, bà L báo lại là để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật chứ không về tham gia được.

Tại biên bản xác minh ngày 04/10/2019, Công an thị trấn Sông Vệ thể hiện: ông Đinh Tấn T (sinh năm 1985) và bà Huỳnh Thị L (sinh năm 1985) là vợ chồng và hiện đăng ký thường trú tại tổ dân phố An Bằng, thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện tại ông T, bà L vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa phương nhưng đã đi làm ăn xa, không rõ địa chỉ.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện:

Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền đã vay mượn nên xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Ông Đinh Tấn T và bà Huỳnh Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án xác minh ông T, bà L có nơi cư trú tại tổ dân phố An Bằng, thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xét xử vắng mặt bị đơn: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 04/10/2019, ông Đinh Văn M, sinh năm 1968 là cha của bị đơn; biên bản xác minh ngày 04/10/2019 tại Công an thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa; căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 07/05/2015 và căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, bị đơn khi đi khởi nơi cư trú nhưng không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được xem thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không

đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn. Ông T, bà L đi làm ăn không thay đổi địa chỉ nên Tòa án tiến hành niêm yết, giải quyết theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo qui định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ. Trong quá trình tố tụng vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không thực hiện quyền của mình trong đó có quyền yêu cầu áp dụng thời hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử không nhận định về thời hiệu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại giấy mượn tiền đề ngày 07/05/2015 thể hiện: Ông Đinh Tấn T và vợ là bà Huỳnh Thị L ở đội 3, thôn An Bằng, thị trấn Sông Vệ, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi. Vợ chồng có mượn số tiền 100.000.000đ (Bằng chữ một trăm triệu đồng) của bà Trương Thị A địa chỉ tổ 16 phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi. Vợ chồng ông T, bà L cam kết mỗi tháng trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho bà Ái, nếu không trả đúng hạn thì chịu hoàn toàn trước pháp luật. Căn cứ vào Giấy mượn tiền đề ngày 07/05/2015 và căn cứ vào các Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; căn cứ các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị A, buộc ông Đinh Tấn T và bà Huỳnh Thị L phải trả cho bà Trương Thị A số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu đồng).

[2.2] Đối với khoản tiền lãi: Nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất.

[3] Về án phí dân sự: Vụ án được xét xử theo thủ chung, căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Đinh Tấn T và bà Huỳnh Thị L phải chịu $100.000.000đ \times 5\% = 5.000.000đ$ (Năm triệu đồng) tiền án phí dân sự. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà Trương Thị A.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên ghi nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị A. Buộc ông Đinh Tấn T và bà Huỳnh Thị L phải trả cho bà Trương Thị A số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu đồng).

2. Đình chỉ về việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi cho nguyên đơn.

3. Về án phí: Ông Đinh Tấn T và bà Huỳnh Thị L phải nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Hoàn trả lại cho bà Trương Thị A số tiền tạm ứng án phí 3.534.000đ (Ba triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng) bà A đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/0002229 ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa.

4. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi như sau:

+ Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bà Trương Thị A, ông Đinh Tấn T và bà Huỳnh Thị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Hòa

